TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 20 - 7 - 2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lưu Ngọc Khoa
Ông Phạm Thiên Viết

Thư ký phiên tòa: Bà H'Ra Chen - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2023/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Anh Hồ Ngọc P, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Có mặt

Chị Huỳnh Thị L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông.

Người được chị Huỳnh Thị L ủy quyền: Anh Hồ Ngọc P, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hồ Ngọc P: Ông Trịnh Quốc K – Luật sư Văn phòng luật sư Quốc A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/01/2016 vợ chồng tôi có cho chị Nguyễn Thị L vay 550.000.000đ, ngày 16/3/2017 chị Loan vay thêm 252.000.000đ, tổng cộng là 802.000.000đ gốc, thỏa thuận lãi suất miệng là 1,5%/tháng, thời hạn trả gồm 03 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 11/4/2017 trả 252.000.000đ; Lần 2: Ngày 16/5/2017 trả 300.000.000đ và Lần 3: Ngày 16/12/2017 trả 250.000.000đ. Khi vay không thế chấp tài sản gì. Đến hạn, nhiều lần yêu cầu trả nhưng chị L khất nợ nhưng không trả. Thời điểm cho vay chúng tôi không biết chồng chị Loan là ai, chúng tôi nghe chị L đã ly hôn chồng. Vợ chồng tôi chỉ cho cho L vay nên yêu cầu chị L trả, không yêu cầu ai khác.

Nay yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 802.000.000đ, về lãi suất không yêu cầu.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ngày 16/01/2016 tôi có vay vợ chồng Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L 550.000.000đ, ngày 16/3/2017 vay thêm 252.000.000đ, tổng cộng là 802.000.000đ gốc, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả gồm 03 lần, cụ thể: Lần 1: Ngày 11/4/2017 trả 252.000.000đ; Lần 2: Ngày 16/5/2017 trả 300.000.000đ và Lần 3: Ngày 16/12/2017 trả 250.000.000đ, vay không thế chấp tài sản gì. Ngày 16/3/2017 vay thêm 252.000.000đ lập giấy vay tiền nên bỏ giấy vay ngày 16/01/2016.

Tôi đã ly hôn chồng năm 2012, số tiền này tôi vay tôi có nghĩa vụ trả, không liên quan đến ai. Nay vợ chồng anh P khởi kiện yêu cầu tôi trả 802.000.000đ gốc tôi đồng ý nhưng do tôi làm ăn vỡ nợ nên xin trả dần.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 802.000.000đ. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả. Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 157, Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L đối với chị Nguyễn Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả vợ chồng anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L 802.000.000đ tiền gốc và chị Nguyễn Thị L phải chịu

án phí theo quy định định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 802.000.000đ tiền gốc, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời điểm khởi kiện chị Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án trú tại thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Do vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã trực tiếp cấp, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật, quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vây, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả 802.000.000 đồng tiền gốc theo giấy mượn tiền ngày 16/3/2017, chị Nguyễn Thị Loan thừa nhận có nợ anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L số tiền gốc nêu trên, đây là vấn đề các bên đã thừa nhận không cần chứng minh. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 802.000.000đ. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được với nhau về thời hạn trả nên cần buộc chị Loan trả số nợ nêu trên cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L là phù hợp.

[4]. Về lãi suất: Không yêu cầu nên không đề cập.

[5]. Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L số tiền gốc là 802.000.000đ *(Tám trăm lẻ hai triệu đồng)* tiền gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L đối với chị Nguyễn Thị L .

Buộc chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L 802.000.000đ *(Tám trăm lẻ hai triệu đồng)* tiền gốc.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 36.060.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hồ Ngọc P và chị Huỳnh Thị L nhận lại 18.030.000 đồng (*Mười tám triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002409 ngày 30/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.